

Số: 219 /TB-BV

Mỏ Cày, ngày 09 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm (lần 2)
sử dụng năm 2025 - 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở mua thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm (lần 2) sử dụng từ năm 2025 - 2026 nhằm phục vụ công tác khám bệnh chữa bệnh tại Bệnh viện;

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có quan tâm cung cấp thông tin báo giá.

I. Thông tin yêu cầu báo giá:

- Danh mục chi tiết đính kèm.
- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh.
- Địa chỉ: Quốc lộ 57, ấp Tân Lộc, xã Mỏ Cày Nam, tỉnh Vĩnh Long.
- Thông tin liên hệ người tiếp nhận báo giá: Lê Thị Ngọc Duyên.
Số điện thoại: 0275 3842 115 - 0986725963.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh, Quốc lộ 57, ấp Tân Lộc, xã Mỏ Cày Nam, tỉnh Vĩnh Long.
 - Nhận qua email: phongvattubvclm@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 09 tháng 09 năm 2025 đến hết ngày 19 tháng 09 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 365 ngày, kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2025.

Thông báo này được đăng tải tại: <http://bvculaominh.vn>,
<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị quan tâm;
- Tổ IT (đăng tải);
- Lưu: VT, VTTBYT.



GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tuôi



Ngày 15/11/2011



DANH MỤC

(Kèm Thông báo số 219 /TB-BV ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện
đa khoa khu vực Cù Lao Minh)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
1	Danh mục vật tư y tế (bao gồm 29 mặt hàng)			
1	Màng lọc nội độc tố dùng cho máy thận nhân tạo (quả siêu lọc)	Màng lọc nội độc tố, diện tích màng ≥2.2 m². Tần số lọc ≥ 3.75 l/min, áp lực lọc ≥ 2 bar; tương thích dùng cho các máy chạy thận hãng Fresenius. ISO 13485, Xuất xứ G7	Cái	50
2	Màng lọc nội độc tố dùng cho máy thận nhân tạo (quả siêu lọc)	Màng lọc nội độc tố, diện tích màng ≥2.2 m². Tần số lọc ≥ 3.75 l/min, áp lực lọc ≥ 2 bar; tương thích dùng cho các máy chạy thận hãng B.Braun. ISO 13485, Xuất xứ G7	Cái	50
3	Vít 2.0	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	360
4	Đinh Kischner các số	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6/2.0/2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cây	300
5	Vít xương cứng 3.5 x 30mm	Chất liệu hợp kim titan TC4, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.7, đầu vít hình lục giác hoặc ngôi sao, thân vít toàn ren, vít tương thích với các lỗ bắt vít thường của các nẹp khóa titanium dùng cho chi trên và chi dưới, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	1.200
6	Đinh nội tủy xương đùi có chốt các cỡ, kèm ốc khóa	Đinh chốt đùi dài titan: Chất liệu hợp kim titan TC4, phân biệt trái/phải, loại thân đinh rỗng, thân đinh đường kính 9.4mm, 10mm và 11mm, dài từ 300mm đến 440mm, đầu đinh có 3 lỗ chốt (2 lỗ chốt chéo cố định vùng cổ xương đùi góc 135 độ) và 1 lỗ vít chốt động để giúp ti đè nén ép mặt gãy, vùng mũi thân đinh có mặt vát định vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt, mũi đinh có 2 lỗ chốt. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 0mm đến 15mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt. Vít chốt 5.0mm titan, chất liệu hợp kim Titanium TC4, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.9, đầu vít hình lục giác, thân vít toàn ren, vít dài từ 30mm đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Vít chốt 6.5mm titan, chất liệu hợp kim Titanium TC4, đường kính thân vít 6.5mm, đầu vít rỗng ổ lục giác, thân vít ren bán phần, vít dài từ 65mm đến 115mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
7	Đinh nội tủy xương chày có chốt các cỡ, kèm ốc khóa	Đinh chốt căng chân titan: Chất liệu hợp kim titan TC4, loại thân đinh rỗng, đường kính thân đinh 8.4mm, 9.2mm và 10mm, dài từ 255mm đến 390mm, đầu đinh có 4 lỗ chốt đa hướng và 1 lỗ vít chốt động để giúp tì đè nén ép mặt gãy, vùng mũi thân đinh có mặt vát định vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt, mũi đinh có 3 lỗ chốt tròn 2 hướng và 1 lỗ chốt tròn đa hướng nằm sát vùng xương trần chày. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 0mm đến 15mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt. Vít chốt 4.3mm titan, chất liệu hợp kim Titanium TC4, đường kính thân vít 4.3mm, đường kính ngoài mũ vít 6.9, đầu vít hình lục giác, thân vít toàn ren, vít dài từ 35mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Vít chốt 5.0mm titan, chất liệu hợp kim Titanium TC4, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.9, đầu vít hình lục giác, thân vít toàn ren, vít dài từ 30mm đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Bộ	10
8	Clip kẹp mạch máu các cỡ	Chất liệu titanium, clip hình chữ V, có rãnh bám bám vào hàm của kim, các cỡ, Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Cái	2.400
9	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật	Lưới Polypropylen sợi đơn, không tiêu, cỡ 10cm x 15cm; lưới trong suốt, tương thích sinh học cao, có thể cắt theo nhu cầu; đường kính sợi: 0.15mm; độ dày: 0.55 mm; trọng lượng: 90g/m ² ; áp lực bung lưới: ≥ 9.5kg/cm ² ; kích thước lỗ: 1.0 x 1.5 mm (ngang x dọc); vô trùng. TCCL ISO 13485, xuất xứ G7.	Miếng	120
10	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật	Lưới Polypropylen sợi đơn, không tiêu, cỡ 6cm x 11cm; lưới trong suốt, tương thích sinh học cao, có thể cắt theo nhu cầu; đường kính sợi: 0.15mm; độ dày: 0.55 mm; trọng lượng: 90g/m ² ; áp lực bung lưới: ≥ 9.5kg/cm ² ; kích thước lỗ: 1.0 x 1.5 mm (ngang x dọc); vô trùng. TCCL ISO 13485, xuất xứ G7	Miếng	200
11	Bao cao su	Thành phần chính làm từ mủ cao su thiên nhiên. Màu sắc: trong mờ hoặc có màu đặc trưng của cao su tự nhiên, màu đơn sắc hoặc kết hợp 2 màu trở lên. Size 49 hoặc 52	cái	2.000
12	Bao vải huyết áp các size	Chất liệu vải mềm (dạng dán quần quanh bắp tay), không gây đau rát hay trầy xước da người sử dụng. Gồm size lớn: 50cm*14cm, Size trung: 34.5cm*11cm, Size nhỏ: 28cm*8cm	Cái	400
13	Van huyết áp	Val inox dùng để thay thế trong máy đo huyết áp kế đồng hồ	Cái	166
14	Bo huyết áp	Bo cao su dùng để thay thế trong máy đo huyết áp kế đồng hồ	Cái	406
15	Máy đo huyết áp (máy cơ) người lớn	Máy đo huyết áp người lớn (dạng dán quần quanh bắp tay), kèm có ống nghe tim, phổi, loại cơ học, xuất xứ G7	Cái	278
16	Máy đo huyết áp (máy cơ) trẻ em	Máy đo huyết áp trẻ em (dạng dán quần quanh bắp tay) kèm có ống nghe tim, phổi, loại cơ học, Xuất xứ G7	Cái	27

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
17	Túi camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Kích thước: 150 mm x 235cm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	6.000
18	Bao dây đốt nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Kích thước: 7.5cm x 235cm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	4.000
19	Đai kim loại	Đai kim loại linh hoạt, đủ độ mềm dẻo để uốn cong như mong muốn, Các góc cạnh nhẵn mịn bảo vệ nướu, có thể hấp và tái sử dụng.	miếng	60
20	Giữ khuôn kim loại	Dùng để giữ khuôn trám răng	Cây	50
21	Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh đa tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự - Càng và optic được thiết kế liền một mảnh cùng chất liệu - Chất liệu Acrylate/ Methacrylate Copolymer (Acrylic) kỵ nước (hydrophobic) + chromophore - Màu vàng - Lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh bước sóng từ 400-475 nm - Chỉ số khúc xạ (hệ số chiết suất) n: 1,46 - 1,55 - Càng chữ L cải tiến, góc càng 0 độ - Chiều dài TTT: 12,5 - 13,0 mm. - Đường kính optic 6,0 mm, thiết kế phi cầu, bờ vuông - Đặt qua vết mổ ≤ 2,2 mm, kèm cartridge - Dây Diop (dải công suất): +6,0 D đến +34,0 D - Optic thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ ENLIGHTEN (ENhanced LIGHT ENergy) có công suất cộng thêm cho thị lực trung gian là +2,17 D và cho thị lực nhìn gần là +3,25 D. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Cái	6
22	Anti Human Globulin (AHG) (dùng trong ngoại kiểm nhóm máu)	Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	120
23	Dung dịch Liss (dùng trong ngoại kiểm nhóm máu)	LISS được sử dụng làm chất tăng cường cho hồng cầu, làm giảm nồng độ ion sức mạnh của kháng thể: hỗn hợp phản ứng kháng nguyên bằng cách định chi hồng cầu trong LISS cho phép giảm đáng kể thời gian ủ bệnh và tăng độ nhạy của xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Chai/500 ml	2
24	Vôi soda	Vôi soda y tế hấp thụ CO2 dùng trong gây mê . Cấu tạo từ hỗn hợp gồm: 82.08% Canxi Hydroxit và 3.4% Natri Hydroxit, 14-19% H2O. Không chứa KOH hoặc BaOH. Độ pH ≤ 13.5, độ cứng ≤ 97%, độ ẩm 12-18%, kích thước hạt 4x2mm. mật độ khoảng 75g/100ml. Khả năng ngấm/hấp thụ CO2 (1kg vôi soda hấp thụ 130l CO2 (26%)). Chỉ thị màu: hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng. Đạt chuẩn ISO 13485.	Kg	150
25	Yếu tố X	Bộ định danh que giấy IVD NK-X/V/XV gồm 3 tube (1 tube chứa que giấy X, 1 tube chứa que giấy V, 1 tube chứa que giấy XV), mỗi tube chứa 10 que giấy dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: nicotin adenine dinucleotide) để định danh vi khuẩn Haemophilus	Đĩa	50

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
26	Yếu tố V	Bộ định danh que giấy IVD NK-X/V/XV gồm 3 tube (1 tube chứa que giấy X, 1 tube chứa que giấy V, 1 tube chứa que giấy XV), mỗi tube chứa 10 que giấy dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: nicotin adenine dinucleotide) để định danh vi khuẩn Haemophilus	Đĩa	50
27	Chapman agar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Staphylococcus. Phân biệt khả năng lên men mannitol	Tube 5 ml	1.250
28	Dung dịch Formol	Dung dịch Formol 10%.	Lít	20
29	Phim X-quang 35cm x 43cm	Kích thước: 35cm x 43cm (14x17inch) -Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser -Tương thích với các dòng máy in phim Drypix Series 6000 -Cấu tạo phim 4 lớp: +Lớp trên: 86% gelatin độ dày: 2,3µm +Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate; độ dày: 170µm +Lớp nhạy: : 36% light sensitive agents và 4% Addition agent; độ dày: 10.6µm +Lớp dưới: : 88% gelatin độ dày: 3.5µm -Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EU MDR -Xuất xứ: Nhật Bản thuộc các nước công nghiệp phát triển G7	Tấm	22.000
2. Hóa chất xét nghiệm:				
2.1 Hóa chất dùng cho máy định danh vi khuẩn, kháng sinh đồ tự động Vitek 2 (bao gồm 14 mặt hàng)				
30	Card định danh vi khuẩn gram âm	- Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm sử dụng trên hệ thống máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux để định danh tự động các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA	Hộp	170
31	Card định danh vi khuẩn gram dương	- Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux để định danh tự động các vi khuẩn Gram dương - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA	Hộp	130
32	Card định danh neisseria và haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus sử dụng với máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux để định danh vi khuẩn khó mọc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA	Hộp	4
33	Card kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm các loại	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm dùng với máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA	Hộp	170

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
34	Card kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương các loại	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Hộp	130
35	Chai nước muối 0.45%	Nước muối 0.45% dùng với máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux, pH: 4.5 - 7, là sản phẩm IVD (in vitro diagnostic).- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Chai	200
36	Tuyp nhựa trong 12 x 75 mm dùng trên máy định danh vi khuẩn VITEK 2	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy định danh vi khuẩn VITEK 2 Compact Bio merieux - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tương đương	Ống	20.000
37	Filtered Pipette Tips 200 µL Racked, Sterile,	Polypropylene nguyên chất, độ trong suốt cao. Công nghệ nhựa chống bám dính. Màng lọc kỵ nước bằng nhựa PVC sẽ không làm nhiễm bẩn hoặc cản trở luồng không khí. Được chứng nhận không có chất ức chế PCR, không có RNase – Dnase - DNA; không chứa pyrogen. Vô trùng	Rack	104
38	Filtered Pipette Tips 1000 µL Racked, Sterile,	Polypropylene nguyên chất, độ trong suốt cao Công nghệ nhựa chống bám dính. Màng lọc kỵ nước bằng nhựa PVC sẽ không làm nhiễm bẩn hoặc cản trở luồng không khí. Được chứng nhận không có chất ức chế PCR, không có RNase – Dnase - DNA; không chứa pyrogen. Vô trùng	Rack	104
39	Khuyên cấy nhựa	Khuyên cấy nhựa vô trùng loại 10µl	Que	10.000
40	chủng chuẩn Enterococcus faecalis derived from ATCC® 29212™	Sử dụng để xác định và phân loại các mẫu vi khuẩn E. faecalis phân lập từ các nguồn khác nhau. Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	10
41	chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus derived from ATCC® 29213™	sử dụng để xác định và phân loại các mẫu vi khuẩn Staphylococcus aureus phân lập từ các nguồn khác nhau. Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	10
42	Chủng chuẩn vi sinh Pseudomonas aeruginosa	Sử dụng để xác định và phân loại các mẫu vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa phân lập từ các nguồn khác nhau. Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
43	Chủng chuẩn vi sinh Escherichia coli	Sử dụng để xác định và phân loại các mẫu vi khuẩn Escherichia coli phân lập từ các nguồn khác nhau. Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tẩm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	10
2.2 Hóa chất dùng cho máy đông máu CA-620 (bao gồm 12 mặt hàng):				
44	Hoá chất đo thời gian prothrombin	Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) Hộp: ≥10 x 4 ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	142
45	Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần	Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) Hộp: ≥ 10 x 2ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	154
46	Dung dịch Calcium Chloride	Dung dịch Calcium Chloride. Hộp ≥10 x 15ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	20
47	Hoá chất định lượng Fibrinogen trong huyết tương	Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương Hộp: ≥10 x 1ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	172
48	Giếng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Giếng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động hộp ≥ 3000 cái Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	48
49	Chất chuẩn cho các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường	Chất chuẩn cho các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp ≥10x1ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	50
50	Chất chuẩn dài bất thường cho các xét nghiệm đông máu	Chất chuẩn dài bất thường cho các xét nghiệm đông máu. Hộp ≥10 x 1ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	50
51	Chất chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và đặc biệt	Chất chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và đặc biệt. Hộp ≥10 x 1ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	50
52	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho các xét nghiệm Fibrinogen, định lượng yếu tố ...v...	Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu Hộp: ≥ 10 x 15ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	24

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
53	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động	Dung dịch có tính kiềm, nồng độ NaClO $\geq$ 1% Hộp: $\geq$ 50ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	200
54	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Đông máu	STANDARD HUMAN PLASMA, hộp $\geq$ 10ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	8
55	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động có tính acid	Dung dịch có tính acid, nồng độ HCl $<$ 1% Hộp: $\geq$ 500 ml Đạt ISO: 13485, xuất xứ G7	Hộp	32
2.3 Hóa chất dùng cho máy miễn dịch tự động Access 2 (bao gồm 43 mặt hàng):				
56	Định lượng BNP	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP trong các mẫu xét nghiệm huyết tương chống đông bằng EDTA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 3–5000 pg/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azid, IgG dê và chuột tinh khiết trong dung dịch muối đệm TRIS, chất cộng hợp kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP (người) - phosphatase kiềm, muối đệm PBS Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	64
57	Chất chuẩn BNP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp BNP (người) tái tổ hợp ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2500 và 5000 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
58	Định lượng Cortisol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol trong huyết tương (chống đông bằng heparin, EDTA), huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,4–60 μ g/dL [11–1655 nmol/L]; Thành phần chính: Chất cộng hợp cortisol – phosphatase kiềm (bò) và các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG thô trong dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, nền albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, kháng huyết thanh (thỏ) kháng cortisol trong dung dịch muối đệm TRIS Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	24
59	Chất chuẩn Cortisol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, cortisol ở các mức nồng độ 0 μ g/dL, xấp xỉ 2, 5, 10, 25 và 60 μ g/dL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	6
60	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hTSH ở các mức nồng độ 0 μ IU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 μ IU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
61	Định lượng TSH (3rd IS)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 vị trí gắn kiểu “sandwich”; Dải đo: xấp xỉ 0,005 – 50,0 μ IU/mL [mIU/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
62	Định lượng Free T3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, dung dịch đệm MES, chất tương tự T3 gắn biotin, protein (dê, bò, chim), chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatase kiềm trong dung dịch ACES Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	40
63	Chất chuẩn Free T3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, T3 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
64	Định lượng Free T4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 bước; Dải đo: xấp xỉ 0,25–6,0 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, protein (chim và chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	40
65	Chất chuẩn Free T4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, thyroxine ở các mức nồng độ 0 ng/dL, xấp xỉ 0,5, 1,0, 2,0, 3,0 và 6,0 ng/dL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
66	Định lượng CEA	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai vị trí gắn, kiểu “sandwich”; Dải đo: xấp xỉ 0,1–1000 ng/mL; Thành phần chính: Pha rắn các hạt thuận từ phủ MAb (chuột) kháng CEA, được phân tán trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, chất cộng hợp MAb (chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm phosphat, protein (chuột, bò) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	12
67	Chất chuẩn CEA	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm phosphat, protein (bò), natri azit, ProClin, Kháng nguyên carcinoembryonic (người) ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1000 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
68	Định lượng AFP	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,5–3000 ng/mL [0,41–2478 IU/mL]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (dê, thỏ, chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	16
69	Chất chuẩn AFP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, AFP ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 2,5; 5; 25; 100; 500 và 3000 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	8
70	Định lượng total PSA	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,008–150 ng/mL với hiệu chuẩn Hybritech hoặc xấp xỉ 0,008–121 ng/mL với hiệu chuẩn WHO; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) với kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
71	Định lượng CA 125	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,5 U/mL - 5000 U/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 125, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng kháng nguyên CA 125, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	12
72	Chất chuẩn CA 125	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2000 và 5000 U/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	4
73	Định lượng total β hCG	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym (kiểu "sandwich"), hai bước liên tiếp; Dải đo: xấp xỉ 0,5-1350 mIU/mL [IU/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (dê) kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng β hCG phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm citrat, kháng thể (thỏ) kháng β hCG gắn phosphatase kiềm (tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm MES, protein (thỏ) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	24

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
74	Chất chuẩn Total β hCG (5th IS)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hCG ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1350 mIU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	10
75	Định lượng PCT	Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,01–100 ng/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt động bề mặt, protein (bò), natri azid, ProClin 300, Natri Hydroxid, chất cộng hợp giữa phosphatase kiềm tái tổ hợp với kháng thể (chuột) kháng procalcitonin trong dung dịch đệm MOPS Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	30
76	Chất chuẩn PCT	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Bột đông khô chứa đệm HEPES, protein (bò), natri azit, ProClin 300, procalcitonin người tái tổ hợp với các mức nồng độ xấp xỉ 0,8; 5; 10; 25; 50 và 100 ng/mL (μ g/L) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	24
77	Định lượng ferritin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai vị trí (kiểu "sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–1500 ng/mL [μ g/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể dê kháng IgG của chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng ferritin được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp kháng thể dê kháng ferritin - phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS, protein (dê, chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	12
78	Chất chuẩn Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin và ferritin ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	6
79	Định lượng hsTnI	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 2,3-27027 pg/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ được bao phủ bằng kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng cTnI của người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp giữa kháng thể (đơn dòng, cừu) kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, protein (bò, cừu, chuột) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	130
80	Chất chuẩn hsTnI	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp troponin tái tổ hợp ở các mức nồng độ cTnI xấp xỉ 30,7; 144; 567; 2293; 9280 và 27027 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
81	Định lượng Free PSA	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,005–20 ng/mL theo hiệu chuẩn Hybritech hoặc 0,005–16 ng/mL theo hiệu chuẩn WHO; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (lừa) kháng đề, kháng thể (đề) kháng biotin và kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng PSA trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng PSA tự do được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
82	Chất chuẩn Hybritech Free PSA	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm BSA, natri azid, ProClin, PSA tự do (người) ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 5, 10 và 20 ng/mL đối với hiệu chuẩn Hybritech (hoặc 0,4, 1,6, 4,1, 8 và 16 ng/mL đối với hiệu chuẩn WHO) trong BSA đệm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	44
83	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	Vật liệu kiểm soát 9 dấu ấn tim mạch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ protein tái tổ hợp, mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	20
84	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	24
85	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	24
86	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	24
87	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	8

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
88	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	8
89	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	8
90	IA Premium Plus Tri - Level	Vật liệu kiểm soát 54 thông số xét nghiệm miễn dịch bao gồm chất chỉ điểm khối u, thuốc điều trị và các xét nghiệm miễn dịch thông thường; Sản phẩm được cung cấp ở dạng đông khô; Thành phần: 100% huyết thanh người; Chứa các thông số chỉ điểm khối u thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA	Hộp	24
91	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	40
92	Dung dịch kiểm tra máy	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access trong quy trình kiểm tra bảo trì hệ thống hàng tuần; Thành phần chính: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azit Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	4
93	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch và máy xét nghiệm tế bào dòng chảy; Thành phần chính: KOH 1 – 5% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bình	10
94	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Dung dịch rửa được dùng cho quy trình làm sạch các máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Thành phần chính: Acid hữu cơ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bình	4
95	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch dòng Access	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; Dung tích 2mL; Đáy hình nón Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Túi	20
96	Cơ chất phát quang	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	48
97	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2	Sản phẩm được dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	480
98	Túi rác	Chất liệu: nhựa	Túi	40

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
99	Chất chuẩn của hóa chất định lượng PSA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA, COA - Đạt bảng thông số kỹ thuật về máy tại BẢNG ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT MÁY CỦA NHÀ THẦU - Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	30
2.4 Hóa chất sử dụng phù hợp cho máy phân tích huyết học Sysmex XN - 550 Bệnh viện hiện có (bao gồm 08 mặt hàng)				
100	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	2.880.000
101	Dung dịch đo hemoglobin	Dung dịch đo hemoglobin dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	22.500
102	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	60.000
103	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	ml	432
104	Dung dịch kiểm rửa máy huyết học	Dung dịch kiểm rửa máy huyết học dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	ml	1.440
105	Chất chuẩn huyết học mức 1	Chất chuẩn huyết học mức 1 dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	ml	54
106	Chất chuẩn huyết học mức 2	Chất chuẩn huyết học mức 2 dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	ml	54
107	Chất chuẩn huyết học mức 3	Chất chuẩn huyết học mức 3 dùng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN - 550. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	ml	54
3 Thiết bị y tế dùng trong tai mũi họng: (bao gồm 13 mặt hàng)				
108	Throughcut 0 độ	Kềm cắt mũi xoang Weil-Blakesley, dạng cắt xuyên, ngàm thẳng, cỡ ngàm cắt 2.5 x 6mm, chiều dài làm việc 13cm	Cái	1
109	Throughcut 45 độ	Kềm cắt mũi xoang Weil-Blakesley, dạng cắt xuyên, ngàm cong lên 45 độ, cỡ ngàm cắt 2.5 x 6mm, chiều dài làm việc 13cm	Cái	1
110	Backbite cắt ngược	Kềm cắt mũi xoang Stammberger, dạng cắt ngược thẳng lên, cỡ ngàm cắt 2.5 x 7mm, chiều dài làm việc 11cm	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương tốt hơn	ĐVT	Số lượng đề nghị báo giá
111	Blakesley gấp 0 độ	Kèm cắt mũi xoang Weil-Blakesley, dài 19cm, thẳng, ngàm 2.5mm, chiều dài làm việc 12cm	Cái	1
112	Blakesley gấp 45 độ	Kèm cắt mũi xoang Weil-Blakesley, dài 19cm, cong lên 45 độ, ngàm 2.5mm, chiều dài làm việc 12cm	Cái	1
113	Gấp cổ cò	Kẹp gấp mũi xoang, cong lên 70 độ, cỡ ngàm 3 x 4.5mm, chiều dài làm việc 80mm	Cái	1
114	Que thăm dò	Que dò xoang hàm, kích cỡ hai đầu 2.3mm và 2.6mm, dài 19cm	Que	1
115	Ống hút cong xoang hàm	Ống hút cong House - Radpour, đường kính 2.3mm, chiều dài làm việc 90mm, có kèm kênh tưới hút	Ống	1
116	Ống hút cong cổ cò	Ống hút Plester, đầu cong dạng gấp góc, đường kính 2.5mm, dài 19.5cm	Ống	1
117	Kéo cắt cuộn	Kéo cắt cuộn mũi Heymann, dạng gấp góc, dài 16.5cm	Cái	1
118	Kèm cắt xương vách ngăn	Kèm cắt vách ngăn mũi MIDDLETON-JANSEN, dạng cắt xuyên, dài 20cm	Cái	1
119	Ống bơm rửa	Dùng trong phẫu thuật xoang mũi	Ống	1
120	Xe tiêm thuốc		Xe	1